

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2021/DS-PT

Ngày: 22 - 10 - 2021

V/v tranh chấp đòi lại quyền sử dụng
đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận, hủy
hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất
và yêu cầu công nhận di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Phụng.

Bà Trương Tố Hương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trung An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Tăng Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2021/TLPT-DS ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và yêu cầu công nhận di sản thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 09/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 123/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1931 (chết ngày 19/12/2018).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà K gồm:

1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1952; địa chỉ: Số 580, ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông L: Bà Trần Thị H, sinh năm 1957; địa chỉ: Số 195, ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/5/2020). (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1954; địa chỉ: Số 580, ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3. Bà Trần Thị H (Nguyễn Thị H), sinh năm 1957; địa chỉ: Số 195, ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

4. Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 338, ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt).

5. Bà Nguyễn Thị Thu A, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp P, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt).

6. Ông Nguyễn Văn I, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 68B, đường Chông Chác, khóm 5, phường 5, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà D, bà H, ông U và bà A: Ông Hồ Chí B, Luật sư của Công ty Luật HD chi nhánh Sóc Trăng, thuộc Đoàn Luật sư thành phố C; địa chỉ: Số 03, đường K, khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

7. Ông Nguyễn Nhựt G (Nguyễn Văn G), sinh năm 1970; địa chỉ: Số 729/2 ấp A, xã L, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Minh S, sinh năm 1971 (có mặt).

2. Bà Trần Thị T, sinh năm 1975 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 171A, ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của ông S và bà T: Bà Phạm Ngọc N, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 29/12/2020). (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1954; địa chỉ: Số 580, ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bà Trần Thị H (Nguyễn Thị H), sinh năm 1957; địa chỉ: Số 195, ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3. Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 338, ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt).

4. Bà Nguyễn Thị Thu A, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp P, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt).

5. Ông Nguyễn Hoàng X, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 269/5, ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt).

6. Ngân hàng N; địa chỉ: Số 02, L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K, tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ: Ấp A, thị trấn S, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị D, bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn U là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- *Viện Kiểm sát kháng nghị*: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K thì vụ án có nội dung như sau:*

Bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn Y (chết năm 2009) sống chung với nhau có 08 người con chung gồm: Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị D, Trần Thị H (Nguyễn Thị H), Nguyễn Văn U, Nguyễn Văn I, Nguyễn Thị Thu A, Nguyễn Nhựt G (Nguyễn Văn G) và Nguyễn Minh S. Vợ chồng bà có tạo lập được một phần đất nông nghiệp có diện tích khoảng 29 công tầm lớn (tương đương 37.000m²).

Năm 1990, vợ chồng bà chia đất cho các con là Nguyễn Văn U 04 công (tầm 03m), Nguyễn Văn L 07 công (tầm 03m), Nguyễn Văn I 03 công (tầm 03m) việc tặng cho không có làm văn bản, ông U, ông L và ông I đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) đối với phần đất cho tặng. Phần diện tích còn lại khoảng 15 công thuộc tờ bản đồ số 18 (tờ bản đồ cũ số 03) do vợ chồng bà quản lý, sử dụng gồm:

+ Đất làm nhà và làm vườn thuộc thửa đất cũ số 304 (đất hương hỏa), tờ bản đồ số 03, diện tích 3.553m², loại đất LNK, tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng và được Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số AB 110425 ngày 15/6/2005.

+ Đất vườn thuộc thửa đất cũ số 308, tờ bản đồ số 03, diện tích 7.506m², loại đất LNK, tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng và được Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số AB 110426 ngày 15/6/2005.

Giấy tờ đất của 02 thửa đất nêu trên do con trai út là bị đơn ông S cất giữ.

+ Đất ruộng có diện tích 7.253,5m² (thuộc thửa đất cũ số 923, tờ bản đồ số 02) tọa lạc tại ấp N, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ.

Năm 2000, vợ chồng bà có chuyển nhượng diện tích 2.600m², thuộc thửa đất cũ số 308 cho con gái tên H, việc chuyển nhượng chỉ làm giấy tay đề ngày 19/8/2000 AL và đã giao đủ phần đất này cho bà H, đến ngày 01/8/2008 thì vợ chồng bà làm giấy tay xác định diện tích chuyển nhượng cho bà H là 2.608,5m².

Cùng ngày 01/8/2008, vợ chồng bà lập biên bản họp gia tộc và phân chia đất cho các con gồm bà D 01 công tầm 03m đất vườn, bà H 1.000m² đất ruộng, bà A 1.000m² đất ruộng, ông G 02 công tầm 03m đất vườn, ông S một nền nhà, 02 công vườn, 02 công ruộng. Sau khi chia đất thì bà D, ông G và ông S đã nhận đủ đất còn bà H và bà A chỉ mới nhận được 1.300m² và canh tác cho đến nay. Phần đất của ông G được chia là 02 công thì đã chuyển nhượng cho ông U.

Đến năm 2017, sau khi ông Sanh chết thì bà K phát hiện con trai út là bị đơn ông S đã làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận QSDĐ đối với:

+ Diện tích 3.553m², thuộc thửa đất cũ số 304, tờ bản đồ số 03 và được Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số BL 147414

đổi với diện tích 3.289,5m², thuộc thửa đất mới số 186, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

+ Diện tích 7.506m², thuộc thửa đất cũ 308, tờ bản đồ số 03 và được Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số BL 147413 đối với diện tích 3.289,5m², thuộc thửa đất mới số 210, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

+ Diện tích 7.253,5m², thuộc thửa đất số 935, tờ bản đồ số 02 ông S đăng ký kê khai xin cấp giấy chứng nhận QSDĐ, đối với thửa đất số 174 có diện tích 2.860m² và thửa đất số 180 có diện tích 4.393,5m² nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ.

Vì vậy, bà K khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, giải quyết cụ thể như sau:

1. Buộc ông Nguyễn Minh S và bà Trần Thị T trả cho bà 02 phần đất sau đây:

1.1. Một phần của thửa đất số 186, đất vườn, tờ bản đồ 18 (thửa đất cũ số 304, tờ bản đồ số 03), tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, có diện tích tạm tính 3.295m², có vị trí, số đo tứ cạnh như sau: Hướng đông giáp tỉnh lộ 952, có số đo 42,67m. Hướng tây giáp ông Lâm Thành O, có số đo 31,43m. Hướng nam giáp ông Ngô Văn Đ, có số đo 99,58m. Hướng bắc giáp ông Nguyễn Văn Z, có số đo 99,47m.

1.2. Một phần thửa đất số 180, tờ bản đồ số 18 (sau khi trừ đi phần diện tích 1.300m² hiện nay bà H và bà A đã nhận), loại đất ruộng, tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, có diện tích tạm tính 2.897,15m², có vị trí, số đo tứ cạnh như sau: Hướng đông giáp bà Nguyễn Thị D, có số đo 46,10m. Hướng tây giáp bà Nguyễn Thị Thu A, có số đo 45,33m. Hướng nam giáp ông Trương Văn Ê, có số đo 64,25m. Hướng bắc giáp ông Trần Văn E, có số đo 66m.

2. Yêu cầu Tòa án hủy các giấy chứng nhận QSDĐ mà ông Nguyễn Minh S đã đăng ký xin cấp đổi và được cấp lại; bao gồm các Giấy chứng nhận QSDĐ số BL 147414, đối với thửa đất số 186, diện tích 3.289,5m², tờ bản đồ số 18 (thửa đất cũ số 304, tờ bản đồ số 03); Giấy chứng nhận QSDĐ số BL 147413, đối với thửa đất số 210, tờ bản đồ số 18, diện tích 7.506m² (thửa đất cũ số 308, tờ bản đồ số 03), bởi vì việc cấp giấy chứng nhận nêu trên là không phù hợp với pháp luật.

Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý số 207/2018/TLST-DS ngày 26/9/2018 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”. Sau đó, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách ban hành Quyết định chuyển hồ sơ vụ án số 01/2019/QĐST-DS, ngày 06/5/2019 lên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thẩm quyền. Đến ngày 14/01/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng tiếp tục ban hành Quyết định chuyển vụ án nêu trên về Tòa án nhân dân huyện Kế Sách giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 17/3/2020, các người kê thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn cụ K gồm: Bà Nguyễn Thị D, bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn U và bà Nguyễn Thị Thu A làm đơn xin sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của bà K, có nội dung cụ thể như sau:

+ Yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên: “Huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” giữa cụ Nguyễn Văn Y, cụ Nguyễn Thị K cho tặng con là ông Nguyễn Minh S

và vợ tên Trần Thị T đối với thửa đất số 186 do ông Nguyễn Minh S đứng tên trong giấy chứng nhận QSDĐ (thửa đất cũ số 304 do cụ Y và cụ K đứng tên), diện tích 3.289,5m² và thửa đất số 210 do ông Nguyễn Minh S đứng tên trong giấy chứng nhận QSDĐ (thửa đất cũ số 308 do cụ Y và cụ K đứng tên), diện tích 7.578,8m². Do cụ K và cụ Y không lập hợp đồng tặng cho 02 thửa đất nêu trên cho bị đơn ông S và bà T.

+ Yêu cầu Toà án giải quyết công nhận thửa đất số 186 và thửa đất số 210 do ông Nguyễn Minh S đứng tên trong giấy chứng nhận QSDĐ là di sản thừa kế của cụ Y và cụ K chết để lại.

- Bị đơn ông Nguyễn Minh S và bà Trần Thị T trình bày:

Phần đất tại thửa đất số 304 và 308 là do cha mẹ tên Nguyễn Văn Y và Nguyễn Thị K đã làm thủ tục cho tặng khi cha mẹ còn sống. Hiện nay bị đơn ông S và bà T đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ đối với 02 thửa đất nêu trên; thửa đất số 304 hiện nay là thửa đất mới số 210, còn thửa đất số 308 hiện nay là thửa đất mới số 186. Vì vậy, các bị đơn không đồng ý trả đất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như các anh chị em trong gia đình.

Thực tế sử dụng đất hiện nay tại thửa đất số 210 như sau: Ông S sử dụng 01 phần có diện tích 2.513,3m², bà H sử dụng 01 phần có diện tích 2.595,5m² và ông U sử dụng một phần có diện tích 2.677,9m² theo đúng như hình vẽ công ty đo vẽ ngày 13/11/2018.

Thực tế sử dụng đất hiện nay tại thửa đất số 186 như sau: Bà D và ông U đang cất nhà và sử dụng phần đất có số đo như hình vẽ của công ty đo vẽ ngày 13/11/2018.

Hiện nay, giấy tờ đất của 02 thửa đất nêu trên, ông S và bà T đang thế chấp để vay tiền tại Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi ông S và bà T trả đủ tiền vay cho Ngân hàng và nhận lại giấy tờ đất, ông S và bà T đồng ý sang tên đối với các phần đất mà bà D, bà H và ông U đang trực tiếp sử dụng, cụ thể như sau:

+ Đối với thửa đất số 210 sang tên cho bà H diện tích 2.595,5m², sang tên cho ông U diện tích 2.677,9m².

+ Đối với thửa đất số 186 sang tên cho bà D phần đất chiều ngang giáp lộ nhựa chỗ căn nhà có số đo 9,31m, chiều ngang phía sau 07m, sang tên cho ông U phần đất chiều ngang giáp lộ nhựa có số đo 10m, chiều ngang phía sau cũng 10m, chiều dài giáp phần đất của bà D có số đo 45m.

- Bà Trần Thị H là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L trình bày:

Phần đất của cha mẹ bà mà ông S và bà T tự ý sang tên là không đúng. Vì vậy, ông S và bà T phải trả lại đất cho mẹ bà.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D trình bày:

Khi còn sống cha mẹ bà đã cho bà phần đất cất nhà ở, có số đo chiều ngang giáp lộ 12,31m, chiều ngang phía sau là 9,45m theo số đo của Tòa án cung cấp. Vì vậy, bà yêu cầu được tiếp tục sử dụng phần đất nêu tên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H trình bày:

Khi còn sống cha mẹ bà đã chuyển nhượng cho bà phần đất vườn phía sau là 02 công, bà sử dụng liên tục từ đó đến nay đã lâu. Vì vậy, bà yêu cầu được tiếp tục sử dụng phần đất nêu trên theo số đo và diện tích mà Tòa án đã xác định. Phần đất này hiện nay ông S và bà T đã được cấp giấy chứng nhận vì vậy phải sang tên cho bà.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn U trình bày:

Khi còn sống cha mẹ ông đã chuyển nhượng cho ông phần đất vườn phía sau là 02 công và phần đất nền nhà ngang 10m giáp bà D và chiều dài là 45m, ông sử dụng liên tục từ đó đến nay đã lâu. Vì vậy, ông yêu cầu được tiếp tục sử dụng 02 phần đất nêu trên. Đối với phần mái che tạm bợ của nhà máy xay lúa sau khi giải quyết xong vụ án này, ông sẽ tự tháo dỡ và chỉ sử dụng đúng phần đất ông đã nhận chuyển nhượng của cha mẹ. Cả 02 phần đất này hiện nay ông S và bà T đã được cấp giấy chứng nhận vì vậy phải sang tên cho ông.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn I trình bày:

Trước đây ông đã được cha mẹ cho 03 công ruộng và ông đã chuyển nhượng cho người khác, các anh em khác cũng được cha mẹ cho đất, nhưng cụ thể như thế nào thì ông không rõ vì ông đã không sinh sống ở xã Thới An Hội từ trước năm 1980 đến nay. Ông không có ý kiến gì đối với vụ án này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu A trình bày:

Phần đất của cha mẹ bà cho bà D, chuyển nhượng cho bà H và chuyển nhượng cho ông U thì họ cứ sử dụng, phần cha mẹ cho ông S 01 nền nhà và 02 công vườn thì cứ tiếp tục sử dụng. Đối với phần đất có căn nhà của cha mẹ bà trước đây và phần đất vườn sau nhà, chỗ mồ mả cha mẹ bà thì để lại làm đất hương hỏa, không I được chuyển nhượng.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Nhứt G (Nguyễn Văn G): Từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông G, nhưng ông G không gửi văn bản ghi ý kiến của mình liên quan đến vụ án này và cũng không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Vì vậy, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng X trình bày:

Trước đây ông có chuyển nhượng của ông S và bà T 02 công đất ruộng ở ấp N, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Hiện nay gia đình ông S đang có tranh chấp đối với các phần đất ở ấp Đại An, không liên quan đến phần đất ông đã nhận chuyển nhượng của ông S và bà T cho nên ông không có ý kiến gì đối với vụ án này.

- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng N, có ý kiến như sau:

Năm 2019, gia đình ông S đã làm thủ tục thế chấp giấy chứng nhận QSDĐ đối với phần nhà và đất đang tranh chấp tại Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K để vay tiền. Hiện nay gia đình ông S vẫn chưa trả hết tiền vốn và lãi cho Ngân hàng. Ngân hàng không có yêu cầu độc lập đối với khoản vay trên.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 09/02/2021 đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ các Điều 389, Điều 401, Điều 402, Điều 467, Điều 722, Điều 723, Điều 724, Điều 725 và Điều 726 của Bộ luật Dân sự năm 2005; căn cứ Điều 129 của Luật Đất đai năm 2003; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Nguyễn Thị K, về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 186, diện tích 3.289,5m² và thửa đất số 210, diện tích 7.578,8m², cùng tờ bản đồ số 18, đất cùng tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, giữa bên cho là cụ Nguyễn Văn Y và cụ Nguyễn Thị K với bên nhận là ông Nguyễn Minh S và bà Trần Thị T.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn ông Nguyễn Minh S và bà Trần Thị T, về việc tự nguyện làm thủ tục sang tên đối với các phần đất mà bà Nguyễn Thị D; bà Trần Thị H (Nguyễn Thị H) và ông Nguyễn Văn U đang sử dụng, sau khi bị đơn ông S và bà T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K, tỉnh Sóc Trăng, các phần đất cụ thể như sau:

2.1. Phần đất do bà Nguyễn Thị D đang sử dụng tại thửa đất số 186, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, có số đo tứ cận như sau: Hướng đông bắc giáp tỉnh lộ 932, có số đo 9,31m. Hướng tây nam giáp phần đất tại thửa số 186 của bị đơn ông S và bà T, có số đo 07m. Hướng đông nam giáp phần đất tại thửa số 186 của bị đơn ông S và bà T gồm 03 đoạn, có số đo: 13,33m + 6,05m + 29,02m. Hướng tây bắc giáp phần đất tại thửa số 186 của bị đơn ông S và bà T hiện do người liên quan ông U đang sử dụng gồm 02 đoạn, có số đo: 19,30 + 26,64m (hành lang lộ giới là 22m).

2.2. Phần đất do ông Nguyễn Văn U đang sử dụng tại thửa đất số 186, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, có số đo tứ cận như sau: Hướng đông bắc giáp tỉnh lộ 932, có số đo 10m. Hướng tây nam giáp phần đất tại thửa số 186 của bị đơn ông S và bà T, có số đo 10m. Hướng đông nam giáp phần đất tại thửa số 186 do bà D đang sử dụng cất nhà ở, có số đo 45m. Hướng tây bắc giáp phần đất tại thửa số 186 của bị đơn ông S và bà T, có số đo 45m (hành lang lộ giới là 22m).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông U về việc tự di dời các tài sản của ông U, nằm ngoài phần đất mà ông nhận chuyển nhượng của cha mẹ là cụ Y và cụ K có số đo chiều ngang là 10m, chiều dài là 45m mà bị đơn Sang và Thêm đồng ý làm thủ tục sang tên cho ông U nêu trên.

2.3. Phần đất do ông Nguyễn Văn U đang sử dụng tại thửa đất số 210, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, có số đo tứ cận như sau: Hướng đông bắc giáp thửa đất số 210 hiện nay người liên quan bà H đang trực tiếp sử dụng, có số đo 108,87m. Hướng tây nam giáp phần đất của ông Trần Văn O, có số đo 112,30m. Hướng đông nam giáp rạch Xóm Đồng, có số đo 24,01m. Hướng tây bắc giáp phần đất của ông Lâm Thành O, có số đo 24,67m. Diện tích: 2.667,9m².

2.4. Phần đất do bà Trần Thị H (Nguyễn Thị H) đang sử dụng tại thửa đất số 210, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, có số đo tứ cận như sau: Hướng đông bắc giáp thửa đất số 210 của bị đơn ông S và bà T, có số đo 105,44m. Hướng tây nam giáp phần đất thửa số 210 hiện nay người liên quan ông U đang trực tiếp sử dụng, có số đo 108,87m. Hướng đông nam giáp rạch Xóm Đồng, có số đo 24,01m. Hướng tây bắc giáp phần đất của ông Lâm Thành O, có số đo 24,68m. Diện tích: 2.595,5m².

Tất cả các phần đất nêu trên có sơ đồ kèm theo.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 22/02/2021, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là bà D, bà H và ông U có đơn kháng cáo và được Tòa án nhân dân huyện Kế Sách nhận cùng ngày 22/02/2021, về việc kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 09/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà K và yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông, bà.

Ngày 11/3/2021, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định kháng nghị số 05/QĐKNPT-VKS-DS về việc kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án số 25/2021/DS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm, áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D và bà H không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung hoặc rút đơn kháng cáo và yêu cầu Tòa án giải quyết theo đơn khởi kiện, khởi kiện bổ sung bao gồm: Yêu cầu buộc ông S và bà T trả lại phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 2.264,5m², thuộc một phần thửa đất số 186, tờ bản đồ số 18 và trả lại phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 2.909,5m², thuộc một phần thửa đất số 180, tờ bản đồ số 18. Đồng thời, yêu cầu hủy 02 Giấy chứng nhận QSDĐ do UBND huyện Kế Sách cấp cho hộ ông S và bà T cùng ngày 14/10/2015, đối với thửa đất số 186, tờ bản đồ số 18, diện tích 3.289,5m² và thửa đất số 210, tờ bản đồ số 18, diện tích 7.578,8m² và yêu cầu Hủy hợp đồng tặng cho QSDĐ giữa cụ Y, cụ K với ông S, bà T đối với thửa đất số 186, diện tích 3.289,5m² và thửa đất số 210, diện tích 7.578,8m² và yêu cầu công nhận 02 thửa đất này là di sản thừa kế của cụ Y và cụ K chết để lại. Bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng các phần đất nêu trên mặc dù cha mẹ đã chuyển nhượng và tặng cho một số anh chị em rồi, nhưng ông S được cha mẹ cho đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ, việc ông S đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ là đúng pháp luật, nay ông S đồng ý tách giấy chứng nhận QSDĐ cho bà D, ông U, bà H như nội dung án sơ thẩm đã giải quyết, không đồng ý tách cho bà D ngang giáp lộ 12,31m và ngang sau là 9,45m; ông S không nhớ chuyển nhượng cho ông Hoàng X năm nào, với giá bao nhiêu, nhưng có làm giấy viết tay do ông Hoàng X giữ. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà D, bà H, ông U và bà A thống nhất với nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, thứ nhất: Không đưa ông S vào tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là chưa đầy đủ; thứ hai: Không giải quyết hết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với thửa đất số 180, thửa đất số 186 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ thửa đất số 186 và thửa đất số 210; thứ ba: Không thụ lý và giải quyết yêu cầu độc lập của bà D làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà D. Đối với Hợp đồng tặng cho QSDĐ giữa cụ Y, cụ K với ông S, bà T, không phải chữ ký của cụ Y, cụ K mà do ông S tự ký thay, trong khi đó đất đã chuyển nhượng và tặng cho các con khác không riêng ông S, nên Hợp đồng tặng cho trên là hợp đồng giả tạo do không đúng sự thật nên bị vô hiệu theo quy định tại Điều 129 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì HĐXX, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các quy định pháp luật có liên quan đề nghị HĐXX chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng và áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần thứ hai, ông Nguyễn Văn L vắng mặt, nhưng có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa; ông Nguyễn Văn U, bà Nguyễn Thị Thu A, ông Nguyễn Hoàng X, đại diện hợp pháp của Ngân hàng N vắng mặt, nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Nhựt G vắng mặt không rõ lý do, nên HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, kháng nghị; nội dung, hình thức đơn kháng cáo, kháng nghị; thời hạn kháng cáo, kháng nghị của bà D, bà H, ông U và của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo, kháng nghị hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Theo Đơn khởi kiện nguyên đơn cụ K yêu cầu ông S, bà T trả lại 02 phần đất gồm: Một phần thửa đất số 186, tờ bản đồ số 18 (thửa cũ 304, tờ bản đồ số 03), diện tích 3.295m² và một phần thửa đất số 180 (sau khi trừ diện tích 1.300m² bà H và bà A đã nhận), tờ bản đồ số 18 (thửa cũ 308, tờ bản đồ số 03), diện tích còn lại là 2.897,15m² và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận QSDĐ số BL 147414 đối với thửa đất số 186 và Giấy chứng nhận QSDĐ số BL 147413 đối với thửa đất số 210, do UBND huyện Kế Sách cấp cho ông S và bà T. Quá trình tham gia tố tụng, bà K chết vào

ngày 19/12/2018. Đến ngày 17/3/2020, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà K có đơn yêu cầu thay đổi, bổ sung đơn khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy hợp đồng tặng cho QSDĐ giữa cụ Y, cụ K với ông S, bà T đối với thửa đất số 186 và 210. Đồng thời, yêu cầu công nhận thửa đất số 186 và 210 là di sản thừa kế của cụ Y và cụ K chết để lại. Thấy rằng, trong bản án sơ thẩm có nhận định xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho QSDĐ và yêu cầu công nhận di sản thừa kế” là đúng, nhưng cũng chưa đầy đủ và phần trích yếu của bản án cũng không thể hiện, nên khi có kháng cáo cấp phúc thẩm thụ lý vụ án theo phần trích yếu của bản án là “Tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho QSDĐ” dẫn đến chưa đầy đủ quan hệ pháp luật tranh chấp. Do đó, HĐXX cấp phúc thẩm bổ sung cho đầy đủ là “*Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận, hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và yêu cầu công nhận di sản thừa kế*” theo quy định tại khoản 3, 5, 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Cụ K là nguyên đơn trong vụ án, đến ngày 19/12/2018 cụ K chết. Tại tờ khai về quan hệ thừa kế theo pháp luật ngày 13/8/2018 (BL số 29, 30) xác định ông S là con của cụ K và cụ Nguyễn Văn Y (chết năm 2009). Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông S là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là chưa đầy đủ, chưa phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Theo Đơn khởi kiện nguyên đơn cụ K yêu cầu ông S, bà T trả lại 02 phần đất gồm: Một phần thửa đất số 186, tờ bản đồ số 18 (thửa đất cũ 304, tờ bản đồ số 03), diện tích 3.295m² và một phần thửa đất số 180 (sau khi trừ diện tích 1.300m² bà H và bà A đã nhận), tờ bản đồ số 18 (thửa đất cũ số 308, tờ bản đồ số 03), diện tích còn lại là 2.897,15m² và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận QSDĐ số BL 147414 đối với thửa đất số 186 và Giấy chứng nhận QSDĐ số BL 147413 đối với thửa đất số 210, do UBND huyện Kế Sách cấp cho ông S và bà T. Quá trình tham gia tố tụng, cụ K chết vào ngày 19/12/2018. Đến ngày 17/3/2020, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ K gồm bà H, bà D, ông U, bà A có đơn yêu cầu thay đổi, bổ sung đơn khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy hợp đồng tặng cho QSDĐ giữa cụ Y, cụ K với ông S, bà T đối với thửa đất số 186 và 210. Đồng thời, yêu cầu công nhận thửa đất số 186 và 210 là di sản thừa kế của cụ Y và cụ K chết để lại. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ K còn lại không có đơn yêu cầu thay đổi, bổ sung đơn khởi kiện. Như vậy, nội dung đơn khởi kiện ban đầu của cụ K phải được giải quyết theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ giải quyết theo yêu cầu của bà H, bà D, ông U và bà A là chưa giải quyết hết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tức là chưa xem xét, giải quyết đối với yêu cầu đòi lại một phần thửa đất số 186, tờ bản đồ số 18 (thửa đất cũ 304, tờ bản đồ số 03) và một phần thửa đất số 180 (sau khi trừ diện tích 1.300m² bà H và bà A đã nhận), tờ bản đồ số 18 (thửa đất cũ 308, tờ bản đồ số 03) và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận QSDĐ số BL 147414 đối với thửa đất số 186 và Giấy chứng nhận QSDĐ số BL 147413 đối với thửa đất số 210, do UBND huyện Kế Sách cấp cho ông S và bà T.

[6] Trong quá trình tham gia tố tụng, ngày 09/01/2019 bà D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu độc lập (BL số 108) là yêu cầu công nhận

phần đất bà sử dụng từ năm 1985 và được cha mẹ tặng cho vào năm 1999, phần đất có diện tích ngang giáp lộ 12m, ngang sau 09m, dài một cạnh 44m và một cạnh 48m (theo đo đạc thực tế ngang giáp lộ 12,31m, ngang sau 9,45m; chiều dài một cạnh 45,94m và một cạnh 48,4m), thuộc một phần thửa đất số 186, tờ bản đồ số 18 (thửa đất cũ 304, tờ bản đồ số 03). Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét thụ lý đơn yêu cầu độc lập của bà D, cũng như không xem xét, giải quyết yêu cầu của bà D là vi phạm quy định tại Điều 201, 202 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà D. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ phần đất ngang 02m, dài 44m, thuộc một phần thửa đất số 186, tờ bản đồ số 18 (thửa đất cũ 304, tờ bản đồ số 03) đã được giải quyết theo Bản án dân sự sơ thẩm số 08/DS-ST ngày 09/3/2012 và Bản án dân sự phúc thẩm số 94/2012/DS-PT ngày 17/5/2012 nằm ở vị trí nào trong phần đất thực tế bà D đang trực tiếp quản lý, sử dụng; để khi xem xét đối với yêu cầu độc lập của bà D thì Tòa án sẽ đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của bà D đối với phần đất này, vì đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật, Tòa án chỉ xem xét đối với phần đất còn lại do bà D đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Đồng thời, bản án sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn ông S và bà T về việc làm thủ tục sang tên đối với các phần đất bà D, bà H, ông U đang sử dụng, sau khi ông S và bà T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là không thể thi hành được, vì không biết khi nào ông S và bà T mới trả xong nợ cho Ngân hàng. Mặt khác, diện tích mà ông S và bà T tự nguyện làm thủ tục sang tên cho bà D không đúng với diện tích phần đất bà D đang sử dụng và có yêu cầu độc lập, nên cũng không thể thực hiện được.

[7] Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng X cho rằng trước đây ông có chuyển nhượng của ông S, bà T 02 công ruộng ở ấp N, xã T (theo đo đạc thực tế có diện tích 2.909,5m², thuộc một phần thửa đất số 180, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp N, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng), nhưng chưa làm rõ thời gian chuyển nhượng, giá chuyển nhượng là bao nhiêu (tiền hay vàng), có làm giấy tờ gì không? Để xem xét, đánh giá chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông S không nhớ chuyển nhượng năm nào, với giá bao nhiêu, nhưng có làm giấy viết tay do ông Hoàng X giữ, nên cần thu thập bổ sung chứng cứ.

[8] Tòa án cấp sơ thẩm đưa Ngân hàng N vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng, nhưng ở phần đầu của bản án sơ thẩm thể hiện Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa chính xác. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K và trong hồ sơ vụ án không có văn bản ủy quyền cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K tham gia tố tụng. Do đó, việc tổng đạt nêu trên là chưa đúng chủ thể tham gia tố tụng.

[9] Từ những phân tích và nhận định tại mục [4], [5], [6], [7] và [8] như đã nêu trên, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được toàn bộ, nên căn cứ khoản 3 Điều 308 và khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cần hủy án sơ thẩm để cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

[10] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng và lời đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa phúc thẩm, về việc đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm, áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 hủy bản án dân sự sơ thẩm nêu

trên và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Kế Sách giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm là có căn cứ như vừa nhận định, nên được HĐXX chấp nhận.

[11] Do bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách bị hủy, nên HĐXX chưa xem xét đơn kháng cáo của bà D, bà H, ông U là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Riêng lời đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà D, bà H, ông U và bà A về việc đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách là có căn cứ chấp nhận.

[12] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[13] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách bị hủy để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm, nên bà D, bà H, ông U không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310, khoản 6 Điều 313 và khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đối với Quyết định kháng nghị số 05/QĐKNPT-VKS-DS ngày 11/3/2021 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án số 25/2021/DS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

3. Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án dân sự về cho Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xem xét, giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị D, bà Trần Thị H (Nguyễn Thị H) mỗi người 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008860, 0008861 cùng ngày 25/02/2021 (do ông Nguyễn Văn U nộp thay) và hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn U 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008862 ngày 25/02/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành

án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Toàn